| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐẦM D, TỈNH CÀ MAU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 72/2023/DS-ST
Ngày 28 - 4- 2023
V/v tranh hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH**
**N CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM D, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Huỳnh Ngọc Mai

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Nguyễn Hoàng Ảnh

Ông Nguyễn Văn Hiển

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Hà Chí Đệ là thư ký Toà án nhân dân huyện Đầm D.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm D xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 122/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2023 về việc "tranh chấp hợp đồng mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2023/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đoàn Thanh Ph, sinh năm 1979; cư trú tại: Ấp Cái Ng, xã Thanh T, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Lê Hoàng L, sinh năm 1992, cư trú tại: Ấp Giáp N, xã Phú Th, huyện Phú T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Đỗ Thành H; cư trú tại: Ấp Cầu V, xã Quách Phẩm B, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Bà Trần Kim A; cư trú tại: Ấp Cầu V, xã Quách Phẩm B, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**:

*Theo đơn khởi kiện của bà Đoàn Thanh Ph, lời trình bày của ông Lê Hoàng L*

*– người đại diện theo ủy quyền của bà Ph trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:*

Bà Ph với ông H và bà A có hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm công nghiệp từ năm 2018, thỏa Th đầu tư thuốc và thức ăn nuôi tôm công nghiệp cho ông H và bà A, ông H và bà A sẽ thanh toán sau mỗi vụ nuôi. Quá trình hợp tác làm ăn, qua các vụ nuôi đầu ông H và bà A có thanh toán tiền thức ăn theo thỏa Th nhưng không đầy đủ, mỗi vụ thiếu một ít, cụ thể như sau: Ngày 08/5/2018al nợ 163.290.000 đồng, ngày 03/9/2018 al nợ 223.149.000 đông, ngày 19/3/2019 nợ 287.394.000 đồng, ngày 10/6/2019 al nợ 164.620.000 đồng. Tổng số tiền mua thức ăn nuôi tôm nợ là 835.134.000 đồng.

Ngoài ra, bà với vợ chồng ông H và bà A có hùn nuôi tôm, tiền trải bạc là 35.000.000 đồng, chia lỗ là 56.000.000 đồng. Các lần chốt công nợ ông H và bà A đều có ký tên xác nhận; phần hùn vốn nuôi tôm cũng có ký thừa nhận chia số tiền hùn còn nợ.

Nay bà Ph thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông H và bà A trả tổng số tiền mua thức ăn nuôi tôm còn nợ là 835.134.000 đồng. Không yêu cầu ông H và bà A trả lại số tiền hùn vốn nuôi tôm.

*Ông Đỗ Thành H và bà Trần Kim A đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông H và bà A không có ý kiến đối với nội dung và yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thanh Ph.*

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Hoàng L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Đỗ Thành H và bà Trần Kim A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh L, ông H và bà A là phù hợp.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Ph khởi kiện ông H và bà A yêu cầu trả số tiền mua thức ăn nuôi tôm còn nợ là 835.134.000 đồng nên quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Điều 430 của Bộ luật dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ph có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông H và bà A trả số tiền mua thức ăn nuôi tôm còn nợ cho bà Ph là 835.134.000 đồng. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà Ph không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu theo khoản 1 Điều 224 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung: Theo ông L trình bày bà Ph với ông H và bà A có hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm công nghiệp từ năm 2018 là thực tế có xảy ra. Theo sổ đối chiếu công nợ từ năm 2018 đến năm 2019 giữa bà Ph với ông H và bà A thấy

rằng quá trình mua bán, ông H và bà A không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán, số dư nợ khi kết thúc mỗi vụ nuôi có chữ ký xác nhận của ông H và bà A. Số tiền theo bà Ph xác định ông H và bà A còn nợ đến vụ nuôi sau cùng là 835.134.000 đồng.

Ông H và bà A đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để biết được yêu cầu khởi kiện của bà Ph, nhưng ông, bà không có ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không có thiện chí phối hợp với Tòa án để giải quyết vụ án. Như vậy, nội dung và yêu cầu khởi kiện của bà Ph thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thanh Ph buộc ông H và bà A trả cho bà Ph tổng số tiền nợ 835.134.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đoàn Thanh Ph không phải chịu, ông H và bà A phải chịu là 37.054.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 430 và Điều 440 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thanh Ph, buộc ông Đỗ Thành H và bà Trần Kim A trả cho bà Đoàn Thanh Ph số tiền 835.134.000 đồng (tám trăm ba mươi lăm triệu một trăm ba mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày bà Đoàn Thanh Ph có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông H và bà A chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng ông H và bà A còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí dân sự: Bà Đoàn Thanh Ph không phải chịu, Bà Ph đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 19.904.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0013782 ngày 10/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự, được nhận lại. Ông Đỗ Thành H và bà Trần Kim A phải chịu 37.054.000 đồng (ba mươi bảy triệu không trăm năm mươi bốn triệu đồng). Ông H và bà A chưa nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Th thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm D;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm D;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*
**Huỳnh Ngọc Mai**